TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2018/**HNGĐ-ST
Ngày 07.8.2018
V/v *" Tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Lê Hoàng Vũ**

2. **Bà Hà Thị Lệ Thi**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Ph**, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: **Ông Võ Thành Đ**, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 07 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn bà Trần Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ph và ông Võ Thành Đ tổ chức lễ cưới vào ngày 10/11/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/12/2013. Bà Ph và ông Đ chung sống khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không phụ giúp gia đình, đôi khi nhậu say về ông Đ bạo lực, đánh vợ. Cha, mẹ hai bên có khuyên can nhưng ông Đ vẫn không sửa đổi. Bà Ph và con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Ph và ông Đ có một người con chung tên Võ Trần Gia Khánh, sinh ngày 03/8/2015, giới tính nam, đang sống với bà Ph. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ph và ông Đ có một căn nhà cấp 4 diện tích chiều ngang 07m, chiều dài 12m; nhà cây thường nóc lợp tol, vách tường tol, nền gạch bông, căn nhà trị giá 100.000.000 đồng. Trong đó tiền riêng của bà Ph là 80.000.000 đồng, tiền của ông Đ là 20.000.000 đồng. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu được nhận căn nhà, đồng ý thối lại cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng còn có 01 chiếc xe máy hiệu Future F1, biển số 68M1-22126 do ông Đ đứng tên, trị giá 32.000.000 đồng; 05 chỉ vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k (vàng 9999). Bà Ph yêu cầu chia đôi tài sản trên.

Ngày 25/6/2018 bà Ph có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận với ông Đ.

Về nợ chung: Bà Ph và ông Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Những tài liệu, chứng cứ bà Ph cung cấp gồm có: Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); Sổ hộ khẩu (bản phô tô); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh (bản phô tô); Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc).

Tại phiên tòa: Bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Đ; yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Thành Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông Đ kết hôn cơ sở tự nguyện, được bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào ngày 10/11/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/12/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Đ là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Ph: Theo bà Ph nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ không phụ giúp gia đình, đôi khi nhậu say về ông Đ bạo lực, đánh vợ. Cha, mẹ hai bên có khuyên can nhưng ông Đ vẫn không sửa đổi. Tại phiên tòa bà Ph giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đ. Nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ph.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà Ph và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung: Bà Ph và ông Đ có một người con chung tên Võ Trần Gia Khánh, sinh ngày 03/8/2015, giới tính nam. Bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Khánh đang sống với bà Ph, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đưa trẻ cùng trang lứa, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Khánh cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Ph không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của bà Ph.

[5] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà Ph và ông Đ. Đến ngày 25/6/2018 bà Ph có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận với ông Đ. Xét thấy việc rút đơn của bà Ph là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ph về việc chia tài sản chung với ông Đ. Bà Ph có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà Ph và ông Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 244, Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Võ Thành Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Trần Gia Khánh, sinh ngày 03/8/2015, giới tính nam cho bà Trần Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ph không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của bà Ph.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Trần Thị Ph. Bà Ph, ông Đ có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà Ph và ông Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm*:* Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ vào số tiền bà Trần Thị Ph đã nộp là 1.685.000đ *(Một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004148, ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ph số tiền 1.385.000 đồng *(Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng)*.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã B và Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Chính

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện UMT;*
- *Chi cục THADS huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*